

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**

Tên giao dịch: **POSTEF**

MCK: **POT**

Địa chỉ: số 61 Trần Phú – Ba Đình – Hà Nội.

Điện thoại: 04.38455946

Fax: 04.38234128

Website: www.postef.com.vn

E-mail: www.postef@hn.vnn.vn

Năm báo cáo: 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của Công ty là Cơ xưởng Bưu điện Trung ương hình thành từ năm 1954 sau khi giải phóng Thủ đô, trực thuộc Tổng cục Bưu điện (Bưu điện Truyền thanh). Nhà máy Thiết bị Bưu điện được thành lập theo Quyết định số 202/QĐ/TCCB ngày 15/3/1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện, đến năm 1996 được thành lập lại theo Quyết định số 427/TCCB ngày 09/9/1996 trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – VNPT).

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chuyển đổi cổ phần hoá từ Nhà máy Thiết bị Bưu điện theo Quyết định số: 46/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), và chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008116 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/6/2005, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 25/5/2009.

+ Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2006, mã chứng khoán là: **POT**.

2. Quá trình phát triển:

+ *Ngành nghề kinh doanh:*

- Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, tin học;
- Kinh doanh trong các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, công nghiệp, nhà ở;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây lắp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh dịch vụ: xây lắp bưu chính - viễn thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ giá trị gia tăng khác;
- Cung cấp dịch vụ: xây lắp, tư vấn, kỹ thuật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê hoạt động; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Xây dựng kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê.

+ *Tình hình hoạt động:*

Công ty cổ phần Thiết bị Bru điện (Postef) chính thức hoạt động từ 01/7/2005, trải qua 05 năm chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận, doanh thu tăng qua các năm 2008 (475 tỷ đồng), 2009 (400 tỷ đồng), 2010 (558 tỷ đồng), tình hình lao động ổn định, số lượng CBCNV công ty 472 người, thu nhập được đảm bảo ổn định trong từng giai đoạn, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn hiện nay Ban lãnh đạo công ty đã có rất nhiều cố gắng để đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập cho người lao động trong công ty.

Với 03 chi nhánh kinh doanh, 01 trung tâm bảo hành, 05 nhà máy và 01 công ty con (100% vốn của Postef) đặt tại 3 miền, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn nguyên liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng từ các nhà cung cấp lớn. Hơn nữa là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín và mức tiêu thụ nguyên liệu lớn, Công ty luôn có thế mạnh trong việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức giá ưu đãi thấp nhất, chất lượng hàng hoá và điều kiện giao hàng đảm bảo. Công ty luôn có chính sách dự trữ để ở mức độ phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo nguồn nguyên liệu trước biến động giá thị trường, loại trừ trường hợp giá nguyên liệu tăng đột biến.

Trong hoạt động quản trị và điều hành: Công ty luôn cập nhật và áp dụng những mô hình quản lý tối ưu phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phiên bản mới nhất ISO 9001-2008. Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của nhà nước, của ngành và tiêu chuẩn cơ sở. Công ty có hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, 95% máy móc của Công ty là các máy CNC (các thiết bị vận hành có sự điều khiển bằng hoặc thông qua máy tính). Các sản phẩm của Công ty có 40% sản xuất theo công nghệ còn 60% là sản xuất theo đối tượng. Ngoài ra Postef luôn chú trọng nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, có tính cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, yêu cầu của mạng thế hệ mới NGN, băng thông rộng, 3G của VNPT. Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) có đội ngũ cán bộ trên 15 người có trình độ tay nghề cao, mỗi năm công ty đưa vào sản xuất từ 15 đến 20 sản phẩm mới. Bên cạnh đó công ty có 3 phân xưởng sản xuất khuôn mẫu và các thiết bị phụ trợ giúp đưa ra các mẫu mã sản phẩm mới mà không bị phụ thuộc vào nhà cung cấp hay gia công khác. Công ty có khả năng nhận gia công khuôn mẫu hoặc các sản phẩm cho các doanh nghiệp khác.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu: Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2011 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên 2011 đã thông qua. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2011 và các năm tiếp theo trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, tập trung vào một số nội dung sau: cơ cấu lại bộ máy quản lý; đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn lực; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác quốc tế.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong thời gian tới và các năm tiếp theo, Công ty sẽ giữ ổn định các sản phẩm truyền thống, tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển của ngành trong giai đoạn 5 năm tới như: Đầu tư nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và thương mại một số đề tài, sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến như: Bộ điều khiển năng lượng gió; Hệ thống chính lưu GSM-3G; Nguồn cho trạm BTS mạng 3G; Bộ ghép kênh quang cho 4 đường E1, công nghệ PDH; thiết bị Ethernet Switch cho đầu cuối khách hàng FTTx; Thiết bị truyền dẫn bằng viba công suất nhỏ dành cho các trạm BTS; Thiết bị OLT, ONU cho GEAPON; Thiết bị CPE quang, CPE dạng Switch; Router cho mạng FTTx; Thiết bị Set Top Box; Modem VDSL, Very hight DSL; Thiết bị UPS cho mạng truyền hình cáp; Thiết bị cảnh báo cho trạm BTS 3G có quản lý tập trung; Thiết bị tán sét; Tầng âm truyền thanh dùng sóng vô tuyến FM; cáp quang và các thiết bị đấu nối quang; triển khai sản phẩm sử dụng năng

lượng tái tạo (phong điện); các sản phẩm In Building; cải tiến các sản phẩm, thiết bị bu chính và các sản phẩm công nghiệp ngoài ngành khác. Ngoài ra Công ty sẽ tiếp tục duy trì và phát triển các dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng thiết bị, công tác chăm sóc khách hàng, phát triển các sản phẩm phù hợp với mạng thế hệ mới NGN, 3G, IP, Băng thông rộng. Phát triển sang các thị trường khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar, Châu Âu, Châu Mỹ la tinh, Châu Phi, với mục tiêu tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty. Mặt khác để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo thêm nguồn thu, trong 5 năm tới công ty sẽ di chuyển các nhà máy sản xuất ra khỏi khu vực nội thành tại 63 Nguyễn Huy Tường - Thanh Xuân - Hà Nội và tại 61 Trần Phú - Ba Đình - Hà Nội sang khu công nghiệp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng Tổ hợp đa chức năng phù hợp với quy hoạch, môi trường và cảnh quan theo quy định của Nhà nước và UBND Thành phố Hà Nội.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Trong năm 2010 vừa qua, Hội đồng quản trị đã thông qua 18 Biên bản (bao gồm 13 Biên bản thông qua tại cuộc họp trực tiếp và 5 Biên bản được HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

- Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2010.
- Mua sắm ô tô con phục vụ hoạt động của công ty.
- Bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2010, phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT.
- Phương án bán cổ phiếu quỹ của công ty, lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán BCTC năm 2010 của công ty theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2010, thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng "Tổ hợp công nghiệp POSTEF tại VSIP Bắc Ninh.
- Cử đại diện vốn của POSTEF tham gia Hội đồng quản trị của Công ty TNHH Liên doanh cấp đồng Lào - Việt (thay ông Bùi Hữu Quỳnh nghỉ hưu theo chế độ).
- Mở hạn mức tín dụng tại các ngân hàng.
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2010.
- Xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2010.
- Giám sát thường xuyên công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2010. Giải quyết kịp thời các vướng mắc, đề xuất, phát sinh (nếu có).
- Phối hợp thường xuyên với Ban kiểm soát trong công việc hàng ngày, định hướng phát triển của Công ty, các phương án đầu tư, báo cáo các công việc liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Đánh giá kết quả thực hiện:

Trong năm 2010 vừa qua mặc dù gặp nhiều khó khăn khách quan của nền kinh tế, sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực bu chính viễn thông và công nghệ thông tin, mô hình tổ chức của Công ty trải ra trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, nhưng trong năm 2010 Hội đồng quản trị vẫn duy trì hoạt động quản lý, điều hành một cách liên tục, thường xuyên, linh hoạt, phù hợp tình hình thực tế, có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định, đúng định hướng, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo hài hòa quyền lợi cổ đông, nhà nước và công ty. Việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương lớn đã được thông qua của Hội đồng quản trị về các mặt đều đạt được những kết quả tương đối tốt, thuận lợi, củng cố, bổ sung và ổn định bộ máy tổ chức, ổn định tổ chức sản xuất, giúp hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển khá tốt và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, sau khi khánh thành Nhà máy vào cuối tháng 11/2009 cũng như thay đổi và bổ sung nhân sự mới, Công ty TNHH Liên doanh cấp đồng Lào - Việt đã bắt đầu đi vào sản xuất tương

đổi ổn định, bước đầu tạo ra được sản phẩm có chất lượng và hiệu quả, công tác tiếp thị, bán hàng được quan tâm, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và các nước trong khối ASEAN.

Trong năm 2010 vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do biến động tỷ giá ngoại tệ, lãi suất cho vay, những khó khăn chung của nền kinh tế...nhưng với sự phối hợp linh hoạt, chủ động, đưa ra những chủ trương, biện pháp phù hợp tình hình giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành thì các dự án đầu tư được điều chỉnh một cách phù hợp, kịp thời để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng của công ty.

2. Công tác giám sát điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty năm 2010:

Năm 2010, sau gần 4 năm nước ta gia nhập WTO và cũng là một năm có nhiều biến động về giá cả vật tư đầu vào, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất cho vay, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự năng động, linh hoạt, điều chỉnh kịp thời với tình hình thực tế, Ban Tổng giám đốc công ty đã có nhiều biện pháp điều chỉnh trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, những giải pháp phù hợp trong thời điểm tình hình giá cả vật tư tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động, trình HĐQT thông qua và thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp.

Trong năm 2010 vừa qua, trong công tác quản lý, điều hành, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các nội quy, quy chế của công ty, bộ máy điều hành, giúp việc trong công ty luôn thể hiện tinh thần nỗ lực cố gắng, phối hợp và tham mưu kịp thời, có hiệu quả cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, quản trị công ty, giúp cho hoạt động của công ty luôn ổn định trong tình hình thực tế biến động, tiếp tục tạo được công ăn việc làm cho người lao động, duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý trong tình hình thực tế.

3. Những mục tiêu, chủ trương tiếp tục thực hiện trong năm 2011:

- Hoàn thiện, cụ thể hóa bằng các quy chế quản trị về vật tư, hàng tồn kho, quản lý, sử dụng tài sản và thanh lý máy móc thiết bị; đưa ra các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, tri thức trong giai đoạn mới; các giải pháp, biện pháp làm đòn bẩy để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; các chủ trương cơ bản trong định hướng sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, đầu tư nguồn lực cho các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hàm lượng tri thức cao, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.
- Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và thương mại một số đề tài, sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến cấp Nhà nước và cấp Công ty như: Bộ điều khiển năng lượng gió; Hệ thống chỉnh lưu GSM-3G; Nguồn cho trạm BTS mạng 3G; Bộ ghép kênh quang cho 4 đường E1, công nghệ PDH; Thiết bị tán sét; Tăng âm truyền thanh dùng sóng vô tuyến FM; ..v..v...
- Nghiên cứu và hợp tác sản xuất với các đối tác nước ngoài để phát triển sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao.
- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục liên quan, triển khai công tác đầu tư XD CB, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore - Bắc Ninh; di dời cơ sở sản xuất, chuyển đổi chức năng sử dụng đất và triển khai đồng bộ dự án đầu tư XD CB tại 63 Nguyễn Huy Tường - Thanh Xuân - Hà Nội theo hướng tự chủ đề có phương án tổ chức triển khai hiệu quả và thiết thực nhất - đồng thời chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng phương án hợp tác và sử dụng mặt bằng tại 61 Trần Phú - Ba Đình - Hà Nội một cách có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu phát triển chung của Công ty.
- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo định hướng mục tiêu: đổi mới các cơ chế nội bộ theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng, gắn trách nhiệm của các bộ phận với kết quả sản xuất kinh doanh cuối cùng.
- Tiếp tục hỗ trợ Công ty TNHH Liên doanh cáp đồng Lào - Việt về công nghệ, kỹ thuật, sản xuất để phát triển sản phẩm, phát triển thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, đầu tư tài chính.
- Tiếp tục xem xét, nghiên cứu để đưa ra những cơ chế mới phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn.
- Quyết tâm hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ thường niên 2011 giao.

4. Tình hình thực hiện so với năm 2009:

Năm 2010 làm một năm còn dư âm của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, biến động về giá cả vật tư đầu vào, lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ không ổn định làm tăng chi phí của công ty, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với sự nỗ lực cố gắng của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty đã đạt được kết quả khả quan

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2009	Thực hiện Năm 2010	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	398.836	558.018	139,91
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.924	21.806	115,22
3	Tỷ lệ cổ tức		7%	8%	114,28

5. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2010-2015) đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ II, cụ thể như sau:

A. Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Ông Vương Xuân Hòa | : Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Trần Hải Vân | : Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Huyền Sơn | : Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Lê Xuân Hải | : Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Lê Thanh Sơn | : Thành viên HĐQT |
| 6. Bà Phạm Hồng Thúy | : Thành viên HĐQT |
| 7. Ông Đoàn Văn An | : Thành viên HĐQT |

B. Ban kiểm soát:

- | | |
|----------------------------|------------------|
| 1. Bà Ma Thị Nhiệm | : Trưởng BKS |
| 2. Ông Lê Huy Đồng | : Thành viên BKS |
| 3. Bà Hoàng Thị Phương Lan | : Thành viên BKS |

Công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì và phát triển hợp lý, đời sống và việc làm của người lao động trong công ty được đảm bảo ổn định trong tình hình thực tế. Tích cực đầu tư, đổi mới công nghệ, nghiên cứu, phát triển, sản xuất thử nghiệm các đề tài, sản phẩm mới phù hợp với thị trường và định hướng phát triển đã mang lại hiệu quả khả quan. Ngoài ra, Công ty tiếp tục đề ra các chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc, công tác thi đua khen thưởng, động viên kịp thời, tiếp tục cố gắng nâng cao thu nhập, thúc đẩy sự sáng tạo và tạo động lực cho người lao động trong toàn công ty.

6. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2011 được dự đoán là năm còn nhiều khó khăn, thách thức, tình hình giá cả vật tư đầu vào khó lường, các chi phí khác (lãi suất ngân hàng, tỷ giá ngoại tệ) tăng cao làm ảnh hưởng

không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng năm 2011 cũng sẽ đem lại nhiều cơ hội mới. Công ty sẽ đầu tư đổi mới công nghệ, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động trong công ty, cơ cấu và hoàn thiện bộ máy quản lý, sản xuất phù hợp với tình hình mới, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới, công tác chăm sóc khách hàng, công tác quảng bá và tiếp thị sản phẩm của công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng xuất khẩu sang thị trường khu vực. Triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các đối tác để hợp tác đầu tư nhằm mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

A - Báo cáo Tài chính công ty mẹ năm 2010

1) Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		381.395.455.617	338.298.922.805
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	86.264.262.631	68.517.009.828
111	1. Tiền		8.753.212.201	36.827.009.828
112	2. Các khoản tương đương tiền		77.511.050.430	31.690.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	25.000.000	25.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		72.900.000	72.900.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(47.900.000)	(47.900.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		194.365.001.117	142.929.089.071
131	1. Phải thu khách hàng		171.604.215.321	136.597.261.232
132	2. Trả trước cho người bán		22.169.217.754	1.558.841.274
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.349.384.200	6.061.312.696
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.757.816.158)	(1.288.326.131)
140	IV. Hàng tồn kho	6	97.284.201.011	118.329.362.719
141	1. Hàng tồn kho		100.708.288.219	121.006.073.911
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.424.087.208)	(2.676.711.192)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.456.990.858	8.498.461.187
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.362.991.371	4.295.561.587
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		62.253.449	583.198.924
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.707.153	7.732.491
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	2.030.038.885	3.611.968.185

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		119.971.963.200	117.364.513.853
220	I. Tài sản cố định		56.905.573.035	62.587.706.373
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	53.933.370.830	54.495.824.329
222	- Nguyên giá		161.924.089.449	157.952.545.673
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(107.990.718.619)	(103.456.721.344)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	429.458.658	6.197.991.781
225	- Nguyên giá		542.474.091	7.685.331.234
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(113.015.433)	(1.487.339.453)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.786.345.222	1.813.845.222
228	- Nguyên giá		1.864.873.000	1.864.873.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(78.527.778)	(51.027.778)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	756.398.325	80.045.041
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		46.532.610.926	45.263.908.986
251	1. Đầu tư vào công ty con		32.000.000.000	32.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	15.970.232.041	13.253.908.986
258	2. Đầu tư dài hạn khác		-	10.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.437.621.115)	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.533.779.239	9.512.898.494
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.533.779.239	9.512.898.494
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		501.367.418.817	455.663.436.658

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		209.675.206.692	164.253.443.102
310	I. Nợ ngắn hạn		204.109.255.705	160.469.071.694
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	136.624.089.349	96.270.375.285
312	2. Phải trả người bán		56.705.434.382	52.408.545.293
313	3. Người mua trả tiền trước		1.001.317.757	3.691.672.882
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.119.765.714	2.991.513.449
315	5. Phải trả người lao động		1.001.606.420	990.728.148
316	6. Chi phí phải trả	16	1.994.750.466	1.285.194.079
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	1.284.417.914	2.002.787.625
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.377.873.703	828.254.933
330	II. Nợ dài hạn		5.565.950.987	3.784.371.408
334	1. Vay và nợ dài hạn	18	-	201.805.755
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		412.134.550	315.254.567
337	3. Dự phòng phải trả dài hạn		5.153.816.437	3.267.311.086
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		291.692.212.125	291.409.993.556
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	291.712.212.125	291.295.043.556
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		194.300.060.000	194.300.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.084.139.829	44.895.450.000
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.241.960.941)	(1.328.410.941)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(234.918.372)	(912.269.677)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		27.703.419.095	30.513.563.639
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		6.415.529.851	5.987.957.763
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	531.954.845
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.685.942.663	17.306.737.927
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(20.000.000)	114.950.000
432	1. Nguồn kinh phí		(20.000.000)	114.950.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		501.367.418.817	455.663.436.658

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngoại tệ các loại (USD)			
- Đồng Euro		3.323,21	537,34
- Đô la Mỹ		3.947,37	53.036,92

2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH *Năm 2010*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	535.824.566.348	377.395.413.834
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.438.501.707	459.830.258
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		532.386.064.641	376.935.583.576
11	4. Giá vốn hàng bán	21	451.515.599.893	316.127.089.426
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.870.464.748	60.808.494.150
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.137.359.874	2.882.810.104
22	7. Chi phí tài chính	23	21.563.995.818	9.399.016.311
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>15.785.475.466</i>	<i>7.016.261.196</i>
24	8. Chi phí bán hàng		23.115.406.158	20.776.245.291
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26.150.601.505	18.299.872.594
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.177.821.141	15.216.170.058
31	11. Thu nhập khác		4.065.303.054	2.823.358.913
32	12. Chi phí khác		226.172.866	568.475.060
40	13. Lợi nhuận khác		3.839.130.188	2.254.883.853
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.016.951.329	17.471.053.911
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.512.318.916	2.331.842.338
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.504.632.413	15.139.211.573

3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *Năm 2010* *(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.016.951.329	17.471.053.911
	2. Điều chỉnh cho các khoản		21.846.708.037	9.149.427.743
02	- Khấu hao tài sản cố định		8.668.880.410	11.461.187.214
03	- Các khoản dự phòng		6.540.992.509	(5.355.816.529)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.148.640.348)	(3.972.204.138)
06	- Chi phí lãi vay		15.785.475.466	7.016.261.196
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.863.659.366	26.620.481.654
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(53.458.619.303)	25.682.912.239
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		20.297.785.692	32.769.642
11	- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		321.412.244	1.416.616.888
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.088.310.529)	(3.421.968.792)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(15.228.048.869)	(7.016.261.196)
14	- Thuế TNDN đã nộp		(2.858.949.290)	(2.857.646.014)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.771.644.790	19.016.780.038
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.026.849.387)	(26.354.395.745)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.406.275.286)	33.119.288.714
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền mua sắm, xây dựng TSCĐ, TS dài hạn khác		(3.000.005.882)	(1.301.566.333)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		3.672.398.318	2.269.928.030
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.716.323.055)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.528.992.599	1.957.019.045
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.495.061.980	2.925.380.742

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		377.795.534.101	168.138.492.381
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(337.643.625.792)	(143.157.846.321)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.493.442.200)	(11.565.807.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26.658.466.109	13.414.838.460
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		17.747.252.803	49.459.507.916
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		68.517.009.828	19.057.501.912
61	Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	86.264.262.631	68.517.009.828

4) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2010:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2010	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	19.35	19.65
	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	80.65	80.35
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41.53	37.39
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58.47	62.61
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.453	1.43
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.99	2.20
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LN trước thuế/tổng tài sản	%	4.26	4.05
	- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.49	4.13
	- Tỷ suất LN sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	6.39	5.63

B - Báo cáo Tài chính công ty (hợp nhất) năm 2010
1) Bảng cân đối kế toán (hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		412.817.728.663	375.838.773.660
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	90.943.948.377	81.788.702.826
111	1. Tiền		13.432.897.947	50.098.702.826
112	2. Các khoản tương đương tiền		77.511.050.430	31.690.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	25.000.000	25.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		72.900.000	72.900.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(47.900.000)	(47.900.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		206.220.452.058	153.884.849.354
131	1. Phải thu khách hàng		181.938.470.630	145.483.874.012
132	2. Trả trước cho người bán		23.666.082.861	3.543.988.777
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.373.714.725	6.145.312.696
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.757.816.158)	(1.288.326.131)
140	IV. Hàng tồn kho	6	112.064.545.825	131.307.162.433
141	1. Hàng tồn kho		116.234.925.002	134.730.165.594
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.170.379.177)	(3.423.003.161)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.563.782.403	8.833.059.047
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.362.991.371	4.295.561.587
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		134.544.994	637.296.784
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.707.153	7.732.491
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	2.064.538.885	3.892.468.185

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.076.158.653	91.888.194.558
220	I. Tài sản cố định		62.110.254.916	69.111.387.078
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	59.121.675.038	60.990.794.034
222	- Nguyên giá		175.765.139.008	171.746.431.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(116.643.463.970)	(110.755.637.561)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	429.458.658	6.197.991.781
225	- Nguyên giá		542.474.091	7.685.331.234
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(113.015.433)	(1.487.339.453)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.802.722.895	1.842.556.222
228	- Nguyên giá		1.901.873.000	1.901.873.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(99.150.105)	(59.316.778)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	756.398.325	80.045.041
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		20.432.124.498	13.263.908.986
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	20.432.124.498	13.253.908.986
258	2. Đầu tư dài hạn khác		-	10.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.533.779.239	9.512.898.494
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.533.779.239	9.512.898.494
269	IV. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		511.893.887.316	467.726.968.218

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		212.593.072.984	174.884.928.696
310	I. Nợ ngắn hạn		207.027.121.997	170.957.611.938
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	137.771.466.814	100.042.389.442
312	2. Phải trả người bán		54.264.783.152	54.881.587.637
313	3. Người mua trả tiền trước		1.282.205.831	3.818.166.398
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.470.297.681	3.019.411.836
315	5. Phải trả người lao động		1.001.606.420	990.728.148
316	6. Chi phí phải trả	16	3.423.878.154	1.285.194.079
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	2.844.683.862	3.607.852.259
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		584.709.093	2.476.607.612
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.383.490.990	835.674.527
330	II. Nợ dài hạn		5.565.950.987	3.927.316.758
334	1. Vay và nợ dài hạn	18	-	201.805.755
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		412.134.550	315.254.567
337	3. Dự phòng phải trả dài hạn		5.153.816.437	3.410.256.436
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		299.300.814.332	292.842.039.522
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	299.320.814.332	292.727.089.522
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		194.300.060.000	194.300.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.084.139.829	44.895.450.000
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.241.960.941)	(1.328.410.941)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5.594.499.253	(865.460.002)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		27.789.514.000	30.532.063.692
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		6.497.963.888	6.002.796.948
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	531.954.845
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.296.598.303	18.658.634.980
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(20.000.000)	114.950.000
432	1. Nguồn kinh phí		(20.000.000)	114.950.000
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		511.893.887.316	467.726.968.218

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngoại tệ các loại (USD)			
- Đồng Euro		3.323,21	537,34
- Đô la Mỹ		34.207,37	53.036,92

2) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (hợp nhất)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	550.731.410.657	399.318.399.619
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.523.701.707	481.638.243
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		547.207.708.950	398.836.761.376
11	4. Giá vốn hàng bán	21	461.815.419.074	332.436.602.058
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.392.289.876	66.400.159.318
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.743.312.791	3.720.593.589
22	7. Chi phí tài chính	23	20.490.329.893	9.913.354.405
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>15.806.462.090</i>	<i>7.016.261.196</i>
24	8. Chi phí bán hàng		23.285.263.410	21.967.983.778
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		28.939.736.890	21.585.661.908
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.420.272.474	16.653.752.816
31	11. Thu nhập khác		4.067.052.945	2.865.415.730
32	12. Chi phí khác		243.135.597	594.461.889
40	13. Lợi nhuận khác		3.823.917.348	2.270.953.841
45	14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.437.621.115)	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.806.568.707	18.924.706.657
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.691.280.654	2.433.598.030
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.115.288.053	16.491.108.627
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	-
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		19.115.288.053	16.491.108.627
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	26	991	855

3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (theo phương pháp gián tiếp):

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.806.568.707	18.924.706.657
	2. Điều chỉnh cho các khoản		22.798.900.145	9.020.597.495
02	- Khấu hao tài sản cố định		10.035.042.871	12.868.469.640
03	- Các khoản dự phòng		6.540.992.509	(6.144.088.331)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.583.597.325)	(4.746.512.348)
06	- Chi phí lãi vay		15.806.462.090	7.042.728.534
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.605.468.852	27.945.304.152
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(54.130.503.646)	73.053.802.624
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		18.495.240.592	(6.247.938.213)
11	- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(2.909.885.928)	(33.907.015.806)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.088.310.529)	(3.421.968.792)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(15.249.035.493)	(7.440.059.770)
14	- Thuế TNDN đã nộp		(2.958.253.376)	(2.685.292.008)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.771.644.790	19.016.780.038
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.148.691.950)	(27.395.926.445)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.612.326.688)	38.917.685.780
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền mua sắm, xây dựng TSCĐ, TS dài hạn khác		(3.047.169.519)	(1.348.239.969)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		3.672.398.318	2.269.928.030
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.716.323.055)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.963.949.576	2.731.327.255
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.882.855.320	3.653.015.316

4) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2010:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2010	Năm 2009
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	19.35	19.65

	- Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	80.65	80.35
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41.53	37.39
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58.47	62.61
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.453	1.43
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.99	2.20
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LN trước thuế/tổng tài sản	%	4.26	4.05
	- Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.49	4.13
	- Tỷ suất LN sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	6.39	5.63

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 19.430.006 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: không có
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 19.286.346 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: không có
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 143.660 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi: không có

- Tỷ lệ cổ tức năm 2010 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2011 thông qua là: 08% (Tám phần trăm) bằng tiền mặt.

IV. Báo cáo tài chính:

Các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập:

+ Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 cho Công ty.

+ Ý kiến kiểm toán độc lập:

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng

các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để trả Tập đoàn Bru chính viễn thông Việt Nam nhằm xử lý sau Thanh tra Chính phủ về cổ phần hóa Công ty Cổ phần Thiết bị Bru điện số tiền là 4.846.065.684 đồng; Trong đó: Công nợ cổ phần hóa chưa nộp là 126.988.264 đồng, giá trị lợi thế kinh doanh chưa được ghi nhận là 3.002.444.611 đồng, xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao là 1.716.632.809 đồng. Theo Khoản 3 Điều 10 Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007, các nghĩa vụ và trách nhiệm được xác định bổ sung sau khi đã quyết toán bàn giao cho Công ty cổ phần không thuộc trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thiết bị Bru điện.

Báo cáo tài chính đã hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty liên doanh - Công ty TNHH Công ty TNHH Sản xuất Cáp đồng Lào Việt theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán do Công ty liên doanh cung cấp.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Bru điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

+ Các nhận xét đặc biệt: không có.

2. Kiểm toán nội bộ: không có

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của công ty: không có.
- Công ty có trên 50% vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Công ty Giải pháp công nghệ nguồn Postef (PDE) (Công ty CP Thiết bị Bru điện nắm giữ 100% vốn điều lệ).
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Công ty CP Thiết bị Bru điện góp 30% vốn điều lệ tại Công ty có liên quan: Công ty TNHH liên doanh cáp đồng Lào - Việt (LVCC).

Tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (gọi tắt là Công ty PDE) do Công ty cổ phần Thiết bị Bru điện (Postef) sở hữu 100% vốn điều lệ:

- Doan thu thuần BH & CCDV	: 36.858.402.719 đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	: 1.789.617.378 đồng
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	: 178.961.738 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 1.610.655.640 đồng

VII. Tổ chức và nhân sự:

1) Cơ cấu tổ chức của công ty (gửi kèm theo Báo cáo thường niên)

2) Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Họ và tên: Trần Hải Vân

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22 tháng 4 năm 1970
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011788987
- Quê quán: Nghĩa Trụ - Văn Giang - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 104 Phó Đức Chính - Ba Đình – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 02/1993- 4/1994: Nhân viên phòng Marketing - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1994 – 1998: Nhân viên phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1998 – 1999: Trưởng phòng KD điện thoại - Bí thư ĐTN Nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 1999 – 2003: Trưởng phòng KD điện thoại, Công nghệ điện thoại - Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Thường vụ BCH Công đoàn - Bí thư ĐTN Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 2003 - 2005: Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 4/2009: Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (gọi tắt là Công ty PDE).
 - o Từ 5/2009 đến nay: Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.278.071 cổ phiếu POT
Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.238.000 cổ phiếu POT
+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 40.071 cổ phiếu POT

2. Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20 tháng 01 năm 1961
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010159421

- Quê quán: Ước Lễ - Thanh Oai - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 34 - Ngách 259/5 - Phố Vọng - Đồng Tâm - HBT - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 1984 - 1989: Nhân viên phòng KTTK - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1990 - 1994: Tổ trưởng Tổ Kế toán - phòng KTTK - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 5/1995 - 1998: Phó phòng, Trưởng phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1/1999 - 6/2005: Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 1.
 - o Từ 9/2009 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 27.259 cổ phiếu POT
 - Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: không có
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 27.259 cổ phiếu POT

3. Họ và tên: Lê Xuân Hải

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28 tháng 8 năm 1959
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010410993
- Quê quán: Tô Hiệu - Thường Tín - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số 122 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 12/1984 - 1989: Cán bộ Phòng TCLĐTL Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1989 - 3/1992: Phó và Quyền Trưởng phòng Kinh tế Lao động Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/1992 - 02/1993: Cán bộ phòng Điều độ - Lao động tiền lương Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 3/1993 – 5/1995: Trưởng Ban quản lý tổng hợp khu vực Thượng Đình - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.

- Từ 6/1995 – 11/1995: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Cơ sở Thượng Đình - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 12/1995 – 12/2001: Trưởng chi nhánh khu vực miền Trung - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 01/2002 – 6/2005: Trưởng cơ sở 2 Thượng Đình - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 2.
- Từ 9/2009 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 19.699 cổ phiếu POT
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: không có
- + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 19.699 cổ phiếu POT

4. Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07 tháng 11 năm 1962
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011009328
- Quê quán: Thị Cầu - Tỉnh Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: số 67/3A Đinh Tiên Hoàng - Phường 3 - Quận Bình Thạnh - TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.38299466
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- Từ 02/1985 - 1989: Nhân viên phòng Kế hoạch - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 1990 - 1992: Nhân viên phòng KTTK - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 1992 - 1996: Cửa hàng Trưởng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM.
- Từ 1996 - 2003: Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM.
- Từ 2003 - 6/2005: Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện - Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM.
- Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Từ 9/2009 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Từ 1999 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy Nhà máy Thiết bị Bưu điện và Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - Hành vi vi phạm pháp luật : không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 47.394 cổ phiếu POT
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: không có
+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 47.394 cổ phiếu POT

3) Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm: Không

4) Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng, tiền ăn giữa ca theo chế độ, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

5) Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng người lao động và cơ cấu: Tại thời điểm 31/12/2010 tổng số lao động có mặt tại Công ty là 472 người với cơ cấu như sau:

Bảng: Cơ cấu lao động Công ty

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	3	0,64%
Đại học	112	23,73%
Cao đẳng	24	5,08%
Trung cấp	66	13,98%
CNKT	267	56,57%
Tổng số	472	100,00%

+ Chính sách đối với người lao động:

* Chế độ làm việc: Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể .

* Chính sách đào tạo: Là một Công ty có truyền thống trên 50 năm trong Ngành Bưu điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

* Chính sách tuyển dụng: Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công ty. Trước và sau khi cổ phần hoá (01/7/2005), Công ty đã tuyển dụng được trên 20 kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp các trường đại học bổ sung cho nguồn nhân lực của Công ty.

* Chính sách lương, thưởng và phúc lợi : Công ty luôn có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có trình độ, kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2010, mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh gặp phải một số khó khăn, Công ty vẫn thực hiện duy trì thu nhập bình quân người lao động đạt 4,5 triệu đồng/người/tháng.

- Thay đổi thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: ĐHĐCĐ nhiệm kỳ II đã bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2010-2015) như sau:

A. Hội đồng quản trị:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. Ông Vương Xuân Hòa | : Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Trần Hải Vân | : Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Huyền Sơn | : Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Lê Xuân Hải | : Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Lê Thanh Sơn | : Thành viên HĐQT |
| 6. Bà Phạm Hồng Thúy | : Thành viên HĐQT |
| 7. Ông Đoàn Văn An | : Thành viên HĐQT |

B. Ban kiểm soát:

- | | |
|-----------------------------------|------------------|
| 1. Bà Ma Thị Nghiệm | : Trưởng BKS |
| 2. Ông Lê Huy Đồng | : Thành viên BKS |
| 3. Bà Hoàng Thị Phương Lan | : Thành viên BKS |

+ Bổ nhiệm lại ông **Trần Hải Vân** - Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng giám đốc công ty.

+ Bổ nhiệm lại 03 Thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty:

- 1) Ông **Nguyễn Huyền Sơn**
- 2) Ông **Lê Thanh Sơn**
- 3) Ông **Lê Xuân Hải**.

+ Bổ nhiệm lại bà **Nguyễn Thị Minh** giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty (thay ông Bùi Hữu Quỳnh chuyển sang làm Thành viên HĐQT chuyên trách).

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị công ty:

1. Tóm tắt lý lịch các thành viên HĐQT:

1.Họ và tên: Vương Xuân Hoà

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05 / 02/ 1955
- Nơi sinh: Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010442407
- Quê quán: Thanh Văn – Thanh Chương – Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: 86 Hàng Bạc – Hoàn Kiếm - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 09/1973 – 5/1976: Nhập ngũ chiến đấu tại chiến trường B (d5 e20 QK9)
 - o Từ 09/1976 – 12/1980: Sinh viên trường Đại học Kinh tế kế hoạch Hà Nội
 - o Từ 1/1981 – 10/1987: Nhân viên phòng Kế hoạch nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 11/1987 – 6/1992: Phó phòng Kế hoạch nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/ 1992 – 6/1994: Trưởng Cửa hàng giới thiệu SP nhà máy Thiết bị Bưu điện.

- Từ 7/1994 - 6/2005 : Trưởng chi nhánh miền Bắc- Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- Từ 7/2005 - 4/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Chi bộ - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện miền Bắc.
- Từ 5/2009 đến nay: Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đầu mối Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.267.489 cổ phiếu POT
Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.238.200 cổ phiếu POT
- + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 29.289 cổ phiếu POT

2. Họ và tên: Trần Hải Vân

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22 tháng 4 năm 1970
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011788987
- Quê quán: Nghĩa Trụ - Văn Giang - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 104 Phó Đức Chính - Ba Đình – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- Từ 02/1993- 4/1994: Nhân viên phòng Marketing - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 1994 – 1998: Nhân viên phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 1998 – 1999: Trưởng phòng KD điện thoại - Bí thư ĐTN Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- Từ 1999 – 2003: Trưởng phòng KD điện thoại, Công nghệ điện thoại - Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Thường vụ BCH Công đoàn - Bí thư ĐTN Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 2003 - 2005: Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 7/2005 - 4/2009: Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn Postef (gọi tắt là Công ty PDE).
- Từ 5/2009 đến nay: Phó Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.278.071 cổ phiếu POT
Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.238.000 cổ phiếu POT

+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 40.071 cổ phiếu POT

3. Họ và tên: Nguyễn Huyền Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07 tháng 11 năm 1962
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011009328
- Quê quán: Thị Cầu - Tỉnh Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: số 67/3A Đinh Tiên Hoàng - Phường 3 - Quận Bình Thạnh - TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08.38299466
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 02/1985 - 1989: Nhân viên phòng Kế hoạch - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1990 - 1992: Nhân viên phòng KTTK - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1992 - 1996: Cửa hàng Trưởng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM.
 - o Từ 1996 - 2003: Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM.
 - o Từ 2003 - 6/2005: Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện - Trưởng Chi nhánh miền Nam - Nhà máy Thiết bị Bưu điện tại TPHCM.
 - o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 9/2009 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1999 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy Nhà máy Thiết bị Bưu điện và Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh miền Nam Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 47.394 cổ phiếu POT
Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: không có
- + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 47.394 cổ phiếu POT

4. Họ và tên: Lê Xuân Hải

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28 tháng 8 năm 1959
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010410993
- Quê quán: Tô Hiệu - Thường Tín - Hà Tây (nay là Hà Nội)

- Địa chỉ thường trú: Số 122 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 12/1984 - 1989: Cán bộ Phòng TCLĐTL Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1989 - 3/1992: Phó và Quyền Trưởng phòng Kinh tế Lao động Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 4/1992 - 02/1993: Cán bộ phòng Điều độ - Lao động tiền lương Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 3/1993 – 5/1995: Trưởng Ban quản lý tổng hợp khu vực Thượng Đình - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 6/1995 – 11/1995: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Cơ sở Thượng Đình - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 12/1995 – 12/2001: Trưởng chi nhánh khu vực miền Trung - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 01/2002 – 6/2005: Trưởng cơ sở 2 Thượng Đình - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 2.
 - o Từ 9/2009 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 19.699 cổ phiếu POT
 - Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: không có
 - + Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 19.699 cổ phiếu POT

5. Họ và tên: Lê Thanh Sơn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20 tháng 01 năm 1961
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 010159421
- Quê quán: Ước Lễ - Thanh Oai - Hà Tây (nay là Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 34 - Ngách 259/5 - Phố Vọng - Đồng Tâm - HBT - Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 1984 - 1989: Nhân viên phòng KTTK - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 1990 - 1994: Tổ trưởng Tổ Kế toán - phòng KTTK - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.

- Từ 5/1995 - 1998: Phó phòng, Trưởng phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 1/1999 - 6/2005: Phó Giám đốc Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
- Từ 7/2005 - 8/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 1.
- Từ 9/2009 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 27.259 cổ phiếu POT
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: không có
+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 27.259 cổ phiếu POT

6. Họ và tên: Phạm Hồng Thúy

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06 / 9 / 1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011970788
- Quê quán: Hà Bắc
- Địa chỉ thường trú: Số 46 - Ngõ 25A - Phan Đình Phùng - Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 37741158
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 09/1996 đến 12/1996: Cty lâm sản XK Hà Bắc, Chi nhánh tại Hà Nội
 - + Từ 12/1997 đến 08/1997: Kế toán tổng hợp Cty Lâm sản XK Hà Bắc, chi nhánh tại HN;
 - + Từ 09/1997 đến 03/1998: Kế toán trưởng Cty Lâm sản XK Hà Bắc, chi nhánh tại HN;
 - + Từ 03/1998 đến 06/2009: Chuyên viên Ban KTTK-Tài chính;
 - + Từ 07/2009 đến 04/2010: Chuyên viên Ban Đầu tư & quản lý vốn ngoài doanh nghiệp.
 - + Từ 05/2010 đến nay: Chuyên viên Ban Đầu tư & quản lý vốn ngoài doanh nghiệp - Đại diện vốn của VNPT tại Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.242.652 cổ phiếu POT
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện Nhà nước nắm giữ: 3.238.000 cổ phiếu POT
+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 4.652 cổ phiếu POT

7. Họ và tên: Đoàn Văn An

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 10 / 12 / 1958
- Nơi sinh: Nam Sách - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011100118
- Quê quán: Nam Sách - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số 158 Xuân Diệu - Phường Quảng An - Quận Tây Hồ - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 37345345
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm Ngoại ngữ (tiếng Anh).
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 1982 đến 1985: Công tác tại Tổng cục An ninh - Bộ Công an.
 - o Từ 1985 đến 1991: Công tác tại Công ty Đá quý Việt Nam.
 - o Từ 1991 đến 1998: Công tác tại Viện Khoa học Việt Nam.
 - o Từ 1998 đến 2002: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thung Lũng Vua.
 - o Từ 2002 đến 2004: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sân gôn Ngôi sao Chí Linh.
 - o Từ 2004 đến 04/2010: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sân gôn Ngôi sao Chí Linh.
 - o Từ 05/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sân gôn Ngôi sao Chí Linh - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 1.709.800 cổ phiếu POT

Trong đó: + Số cổ phần đại diện Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu nắm giữ: 1.709.800 cổ phiếu POT

+ Số cổ phần do cá nhân nắm giữ cổ phiếu POT: Không có

2. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban kiểm soát:

1. Họ và tên: Ma Thị Nghiệm

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1970
- Nơi sinh: Ba Bể- Bắc Cạn
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Tày
- Số CMND: 012313075
- Quê quán: Tiểu khu 9 thị trấn Ba bể - Bắc cạn
- Địa chỉ thường trú: P 213-A11 Khu tập thể Nghĩa Tân - Phường Nghĩa Tân Quận Cầu Giấy – Hà nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 9/1988 – 10/1992: Sinh viên chuyên ngành Kế toán trường ĐH Tài chính kế toán Hà Nội.
 - o Từ 3/1994 – 6/1998: Chuyên viên Kế toán tổng hợp tại cơ sở 2 nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 7/1998 - 6/2005: Chuyên viên Kế toán phòng Kế toán thống kê nhà máy Thiết bị Bưu điện. Được kết nạp vào Đảng CS Việt nam.
 - o Từ 7/2005 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 19.594 cổ phiếu POT.

2. Họ và tên: Hoàng thị Phương Lan

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011715520
- Quê quán: Thị xã Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ M1A - Tầng 10 - Chung cư A1 - Dự án 54 Hạ Đình - Số 2A - Ngõ 85, phố Hạ Đình - phường Hạ Đình - quận Thanh Xuân - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 9/1992 – 8/1996: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 - o Từ 6/1997 – 10/2004: Chuyên viên Phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 11/2004 – 6/2005: Phó Trưởng Phòng ĐTPT - Nhà máy Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 7/2005 – 4/2009: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Đoàn Thanh niên - Phó Trưởng Phòng KHĐT - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 5/2009 – 4/2010: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Đoàn Thanh niên - Trưởng Phòng KHĐT- Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
 - o Từ 5/2010 đến nay: Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư Đoàn Thanh niên - Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng Phòng KHĐT - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng Phòng KHĐT
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 803 cổ phiếu POT

3. Họ và tên: Lê Huy Đồng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/ 12/ 1964
- Nơi sinh: Quảng Xương - Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 012834870
- Quê quán: Quảng Xương - Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: số 105 ngõ 165, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38455946
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - o Từ 1987 –1994: Công tác tại Liên đoàn Lao động Hà Tây (nay là Hà Nội) - Bí thư Đoàn Thanh niên
 - o Từ 1995 –1999: Sinh viên Trường Đại học Công đoàn Việt Nam
 - o Từ 2000 – 6/2005: Chuyên trách công tác Đảng - Thường trực Hội đồng Thi đua - Chuyên viên Văn phòng Công đoàn - Nhà máy Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2005 – 6/2008: Ủy viên BCH Đảng ủy - Chuyên trách công tác Đảng - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Chuyên viên Văn phòng Công đoàn - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 7/2008 – 4/2010: Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Thường trực Văn phòng Đảng ủy - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
 - o Từ 5/2010 đến nay: Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Thường trực Văn phòng Đảng ủy - Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thường vụ Đảng ủy - Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy - Chủ tịch Công đoàn công ty - Thường trực Hội đồng Thi đua công ty - Thường trực Văn phòng Đảng ủy - Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 4.393 cổ phiếu POT.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị tham gia điều hành và độc lập không điều hành:

Trong năm 2010 vừa qua, Hội đồng quản trị đã thông qua 18 Biên bản (bao gồm 13 Biên bản thông qua tại cuộc họp trực tiếp và 5 Biên bản được HĐQT thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

- Thông qua các nội dung trình ĐHCĐ thường niên 2010.
- Mua sắm ô tô con phục vụ hoạt động của công ty.
- Bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2010, phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT.

- Phương án bán cổ phiếu quỹ của công ty, lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán BCTC năm 2010 của công ty theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2010, thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng "Tổ hợp công nghiệp POSTEF tại VSIP Bắc Ninh.
- Cử đại diện vốn của POSTEF tham gia Hội đồng quản trị của Công ty TNHH Liên doanh cáp đồng Lào - Việt (thay ông Bùi Hữu Quỳnh nghỉ hưu theo chế độ).
- Mở hạn mức tín dụng tại các ngân hàng.
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2010.
- Xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2010.
- Giám sát thường xuyên công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2010. Giải quyết kịp thời các vướng mắc, đề xuất, phát sinh (nếu có).
- Phối hợp thường xuyên với Ban kiểm soát trong công việc hàng ngày, định hướng phát triển của Công ty, các phương án đầu tư, báo cáo các công việc liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Đánh giá kết quả thực hiện:

Trong năm 2010 vừa qua mặc dù gặp nhiều khó khăn khách quan của nền kinh tế, sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, mô hình tổ chức của Công ty trải ra trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, nhưng trong năm 2010 Hội đồng quản trị vẫn duy trì hoạt động quản lý, điều hành một cách liên tục, thường xuyên, linh hoạt, phù hợp tình hình thực tế, có hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định, đúng định hướng, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo hài hòa quyền lợi cổ đông, nhà nước và công ty. Việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương lớn đã được thông qua của Hội đồng quản trị về các mặt đều đạt được những kết quả tương đối tốt, thuận lợi, củng cố, bổ sung và ổn định bộ máy tổ chức, ổn định tổ chức sản xuất, giúp hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển khá tốt và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, sau khi khánh thành Nhà máy vào cuối tháng 11/2009 cũng như thay đổi và bổ sung nhân sự mới, Công ty TNHH Liên doanh cáp đồng Lào - Việt đã bắt đầu đi vào sản xuất tương đối ổn định, bước đầu tạo ra được sản phẩm có chất lượng và hiệu quả, công tác tiếp thị, bán hàng được quan tâm, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và các nước trong khối ASEAN.

Trong năm 2010 vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do biến động tỷ giá ngoại tệ, lãi suất cho vay, những khó khăn chung của nền kinh tế...nhưng với sự phối hợp linh hoạt, chủ động, đưa ra những chủ trương, biện pháp phù hợp tình hình giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành thì các dự án đầu tư được điều chỉnh một cách phù hợp, kịp thời để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng của công ty.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010:

4.1. Trong năm 2010 Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

Trong năm 2010 Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của công ty và một số cuộc họp quan trọng khác do Tổng giám đốc điều hành tổ chức.
- Xem xét các báo cáo tài chính kết thúc quý, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ do Tổng Giám đốc điều hành lập; Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán; thư quản lý; Chủ động đề xuất lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 tư vấn cho HĐQT công ty.
- Thẩm định các báo cáo trình Đại hội cổ đông theo quy định Luật doanh nghiệp;

- Trên cơ sở số liệu kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD tại công ty, BKS lập Báo cáo quản trị gửi đến Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng Giám đốc điều hành (TGD) về đánh giá các rủi ro, công tác quản lý- điều hành, hiệu quả sử dụng vốn,... đề xuất các kiến nghị của BKS. Tài liệu này được lưu hành nội bộ và được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- Tổ chức các cuộc họp của BKS: Các Thành viên BKS tham dự 100% và ký tên đầy đủ trong các biên bản họp của BKS. Thông qua các nội dung Báo cáo của BKS trước Đại hội cổ đông thường niên, thông qua chương trình công tác của BKS cho năm tài chính mới, Ban hành các báo cáo quản trị. Toàn bộ các văn bản này được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- Tổ chức 2 đợt kiểm tra trực tiếp tại công ty, các chi nhánh trực thuộc công ty, công ty con PDE.
- Thường xuyên cập nhật số liệu về hoạt động sxkd của công ty phục vụ kịp thời cho công tác giám sát của BKS.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát tuân thủ chấp hành luật pháp, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của Công ty.

4.2. Kế hoạch công tác kiểm tra giám sát năm 2011 của BKS

a) Kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát:

- Kiểm soát về chiến lược: Giám sát các hoạt động của HDQT, mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành thực hiện các kế hoạch hoạt động sxkd trong năm đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc; Tuân thủ các quy trình trong quản trị rủi ro; Xem xét hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ; Quy trình triển khai các dự án đầu tư.

Trong công tác kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư trong năm 2011 nếu xét thấy cần thiết, BKS sẽ sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chi phí liên quan đến sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập, BKS tham khảo ý kiến HDQT công ty trước khi tiến hành thực hiện và Báo cáo Đại hội cổ đông thường niên gần nhất.

- Thẩm định các Báo cáo theo quy định của Luật Doanh nghiệp: Báo cáo Tài chính, Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm và Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT. Xem xét thư quản lý của kiểm toán độc lập và xem xét các ý kiến phản hồi của công ty.

- Tham gia công tác quản trị công ty.

b) Thời gian và cách thức thực hiện:

- Cập nhật số liệu thường xuyên khi kết thúc quý.
- Kiểm tra trực tiếp tại công ty và các đơn vị trực thuộc: Tiến hành 02 đợt
Đợt 1: Thực hiện trong tháng 7 năm 2011
Đợt 2: Thực hiện trong quý 1/2012

Trước khi thực hiện cập nhật thông tin, thực hiện các đợt kiểm tra trực tiếp tại công ty và các đơn vị BKS sẽ thông báo lịch làm việc về thời gian, địa điểm thực hiện đến HDQT, Ban TGD công ty và đơn vị thực hiện.

Hoạt động của BKS tuân thủ theo đúng quy định của Luật pháp, Nghị quyết Đại hội cổ đông và các quy định của công ty.

5. Thù lao HDQT, BKS năm 2010:

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Thanh toán năm 2010
1	Hội đồng quản trị	7	613.600.000
2	Ban kiểm soát	3	193.600.000

	Tổng cộng	10	807.200.000

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị: 7/7 thành viên;
- Ban Tổng giám đốc: 4/4 thành viên;
- Ban kiểm soát: 3/3 thành viên.

7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT: Không có

8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của HĐQT, Ban giám đốc điều hành, BKS, cổ đông lớn và các giao dịch khác của Thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, BKS và những người có liên quan tới các đối tượng trên.

9. Các dữ liệu thống kê về cổ đông công ty (tại thời điểm chốt danh sách ngày 16/03/2011):

a) Cổ đông trong nước:

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 19.233.532 cổ phần chiếm 98,99% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân: 4.168 cổ đông nắm giữ 7.357.720 cổ phần tương đương 37,87% vốn điều lệ.
 - Tổ chức: 55 cổ đông nắm giữ 11.875.812 cổ phần tương đương 61,12% vốn điều lệ.
 - Cổ đông lớn: + Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) nắm giữ 9.714.200 cổ phần tương đương 49,996% vốn điều lệ.
 - + Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu (GP Bank): nắm giữ 1.709.800 cổ phần tương đương 8,8% vốn điều lệ.

b) Cổ đông nước ngoài:

- Tổng số cổ phần nắm giữ: 52.814 cổ phần chiếm 0,27% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân: 35 cổ đông nắm giữ 52.814 cổ phần tương đương 0,27% vốn điều lệ.
 - Cổ đông lớn: không có

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN**

(Đã ký)

Trần Hải Vân